

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC YÊN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-5-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Khiếu; bà Lê Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 20-12-2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST - DS ngày 04-4-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13-4-2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Bàn Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) .

***2. Bị đơn:*** Anh Triệu Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2021, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Bàn Thị Thành trình bày:

***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Triệu Văn N kết hôn với nhau từ năm 2018 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-6-2018, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N cờ bạc, mãi chơi không tu chí làm ăn, vợ chồng

đã sống ly thân được một năm không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Văn N.

*Về con chung:* Chị và anh Triệu Văn N có 02 con chung là Triệu Văn T1, sinh ngày 22-10-2016 và Triệu Văn T2, sinh ngày 11-01-2018. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Văn T2, để anh N trực tiếp nuôi dưỡng con Triệu Văn T1. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Bàn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn anh Triệu Văn N nhưng anh N không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

- Tại biên bản xác minh ngày 23-02-2022 tại thôn 1, xã Đ, huyện L, ông Triệu Văn T- Trưởng thôn cho biết: Chị Bàn Thị T và anh Triệu Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do anh N không tu chí, chăm lo cho gia đình, khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình chị T, anh N không báo chính quyền địa phương, nên thôn không nắm được để hoà giải; hiện nay chị T và anh N đã sống ly thân được một năm. Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Triệu Văn T1, sinh năm 2016 và Triệu Văn T2, sinh năm 2018, chị T đang đi làm tại địa phương thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng, anh N đang đi làm xây dựng tại địa phương thu nhập khoảng 200.000 đồng/ngày.

Tại biên bản xác minh ngày 23-02-2022 tại Công an xã Đ, huyện L, Công an xã Đ cho biết: Anh Triệu Văn N, sinh năm 1995 là công dân thôn 1, xã Động Q, huyện L, hiện anh N chưa cắt khẩu đi đâu, hiện anh N vẫn sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ chưa có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N; về con chung căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Triệu Văn T1 và Triệu Văn T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến; về án phí căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bàn Thị T và anh Triệu Văn N kết hôn vào ngày 13-6-2018 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N cờ bạc, mãi chơi không tu chí làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân được một năm không còn quan tâm đến nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại thôn 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:*

- Về con chung: Chị Bàn Thị T và anh Triệu Văn N có 02 con chung là Triệu Văn T1, sinh ngày 21-10-2016 và Triệu Văn T2, sinh ngày 11-01-2018 căn vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Triệu Văn T1 và Triệu Văn T2.

Hội đồng xét xử xét thấy các con Triệu Văn T1, Triệu Văn T2 còn nhỏ tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ, anh N đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến để thể hiện ý kiến của mình nên Tòa án không có căn cứ để xem xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh N. Xét thấy để tránh xáo trộn môi

trường sống và học tập, để các cháu được ổn định về mặt tâm lý và tinh thần, cần giao cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Triệu Văn T1 và Triệu Văn T2; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T được ly hôn với Triệu Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Triệu Văn T1, sinh ngày 21-10-2016 và Triệu Văn T2, sinh ngày 11- 01-2018; anh Triệu Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2021/0002119 ngày 20-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Bàn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, anh Triệu Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lên**